

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 9
Số 28/TB-MN9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU THÁNG 10/2024

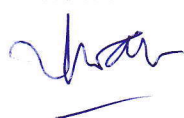
Căn cứ công văn số 1479/GDDT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Liên phòng Giáo dục – Đào tạo và Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về việc về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Bình;

Thực hiện theo công văn số 1514/GDDT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của phòng Giáo dục – Đào tạo quận Tân Bình về việc triển khai lấy ý kiến CMHS về các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: nội dung các khoản thu, cơ chế quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác của các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận Tân Bình năm học 2024-2025;

Sau khi lấy ý kiến thống nhất của từng CMHS về các khoản thu trong năm học 2024-2025. Nhà trường xin thông báo đến quý phụ huynh mức thu tiền các khoản tháng 10/2024 theo bảng kê sau:

STT	NỘI DUNG THU	SỐ NGÀY HỌC TRONG THÁNG		MỨC THU TRONG THÁNG		GHI CHÚ
				Nhà trẻ	Mẫu giáo	
I	Thu Học phí (không thu hs lớp Lá)	1	tháng	200.000	160.000	
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác					
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1	tháng	380.000	380.000	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	1	tháng	150.000	150.000	
3	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	1	năm học	23.000	23.000	thu hs mới
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1	tháng	20.000	20.000	
5	Tiền tổ chức lớp dạy năng khiếu (Vẽ, Võ, Nhịp điệu)	1	tháng		80.000	PH tự nguyện đăng ký theo nhu cầu
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	1	tháng		70.000	
7	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	1	tháng		400.000	
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	1	tháng		140.000	
III	Các khoản thu cho cá nhân học sinh				-	
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú.	1	năm học	260.000	260.000	thu hs mới
2	Học phẩm	1	năm học	50.000	50.000	
3	Học cụ - học liệu	1	năm học	350.000	350.000	
4	Tiền suất ăn bán trú (37.000 đ/ngày)	23	ngày	851.000	851.000	
5	Tiền suất ăn sáng (20.000 đ/ngày)	23	tháng	460.000	460.000	
6	Tiền nước uống	1	tháng	17.000	17.000	

Kế toán



Mai Phước Thiên Vân



Trần Thị Kiều Nhung